TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 484/2019/DS-ST
Ngày: 15/8/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 535/2018/TLST-DS ngày 12/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Trụ sở: Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1983 (Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2019) (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1970
Thường trú: Đường K, khu phố T, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Trọng H làm đại diện trình bày:

Ngày 25/01/2018, Ngân hàng và ông Nguyễn Anh H ký thỏa thuận đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.391.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.326.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và

chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/10/2018, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền 24.575.759 đồng, trong đó, nợ gốc là 22.572.423 đồng, lãi quá hạn là 2.003.336 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 28/6/2019 là 31.940.135 đồng, trong đó nợ gốc là 22.572.423 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.367.712 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ sau ngày 28/6/2019 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số dư nợ gốc quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/01/2018, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn ông Nguyễn Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Nguyễn Trọng H làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời nộp bản tự khai xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Anh H phải thanh toán ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 15/8/2019 là 33.294.503 đồng, trong đó, nợ gốc là 22.572.423 đồng, lãi quá hạn là 10.722.080 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 16/8/2019 cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Anh H trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông H có hộ khẩu thường trú tại đường K, khu phố T, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 01/2016 cho đến nay ông H bỏ địa phương, đi đâu không rõ. Do đó, căn cứ Khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại đơn khởi kiện là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Nguyễn Trọng H làm đại diện có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

1.3. Bị đơn ông Nguyễn Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

2. Về nội dung:

Ông Nguyễn Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông H đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/01/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Anh H, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định ông H được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 356480 – 7892, hạn mức 20.000.000 đồng, sau khi được cấp thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 49.391.000 đồng và đã thanh toán được 30.326.000 đồng, lần cuối cùng thanh toán vào ngày 31/03/2018, từ ngày 30/4/2018, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, Ngân hàng và ông H được quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ông H có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ. Ông H đã thanh toán cho Ngân hàng được 30.326.000 đồng, còn nợ lại 22.572.423 đồng. Căn cứ Điều 2, 23 và 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ gốc là 22.572.423 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn, số tiền 10.722.080 đồng là có căn cứ.

Đồng thời, ông H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 16/8/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/01/2018 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S giữa Ngân hàng với ông H.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Khoản 4 Điều 189, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Anh H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 15/8/2019 là 33.294.503 (Ba mươi ba triệu, hai trăm chín mươi bốn ngàn, năm trăm lẻ ba) đồng, trong đó, nợ gốc là 22.572.423 (Hai mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi hai ngàn, bốn trăm hai mươi ba) đồng, lãi quá hạn là 10.722.080 (Mười triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, không trăm tám mươi) đồng.

Ông Nguyễn Anh H có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 16/8/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/01/2018 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với ông Nguyễn Anh H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Anh H phải chịu là 1.664.725 (Một triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, bảy trăm hai mươi lăm) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 614.393 (Sáu trăm mười bốn ngàn, ba trăm chín mươi ba) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0023082 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Châu